

# Bài 14: Chiến Tranh Việt Nam

---

*Nguyễn Lý Tường*

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 là một biến cố lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam chúng ta. Có hàng triệu người bỏ nước ra đi, hàng triệu người chết trên biển, trên sông, trong rừng hay trong các nhà tù Cộng Sản. Chúng ta thua trận, nhưng cuộc chiến đấu cho tự do dân chủ và nhân quyền vẫn còn tiếp tục từ thế hệ này cho đến thế hệ khác, ở trong nước, ở ngoại quốc v.v... cho đến khi nào dân tộc chúng ta thoát khỏi chế độ Cộng Sản độc tài, nhân dân Việt Nam được hưởng các quyền tự do dân chủ thực sự, được hưởng một cuộc sống thanh bình hạnh phúc thực sự, chúng ta mới có quyền nghỉ ngơi.

Muốn hiểu rõ lý do tại sao có cuộc chiến tranh giữa người Quốc Gia và người Cộng Sản trong suốt 30 năm từ 1945 đến 1975 và tại sao cuộc chiến đấu đó được tiếp tục cho đến bây giờ dưới nhiều hình thức, nhất là đấu tranh cho nhân quyền tại Việt Nam hiện nay, ta cần phải nhắc lại hoàn cảnh lịch sử Việt Nam từ hậu bán thế kỷ 19, khi nước ta bị thực dân Pháp xâm lược, cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975.

## **ĐẤU TRANH CHỐNG PHÁP**

Chính sách cai trị lạc hậu, lỗi thời của các vua nhà Nguyễn trong thế kỷ 19, tạo nên thói nát bất công, kỳ thị tôn giáo, chia rẽ địa phương, làm cho dân tộc ta suy yếu. Lợi dụng tình thế đó, Pháp đã đem quân xâm chiếm nước ta. Khởi đầu từ vụ bắn phá Đà Nẵng năm 1847 (dưới thời vua Thiệu Trị) đến mất ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ năm 1862 (dưới thời vua Tự Đức), rồi mất thêm ba tỉnh Miền Tây Nam Kỳ năm 1867, quân Pháp chiếm thành Hà Nội năm 1883 (thời Tự Đức), và Việt Nam nhận cuộc bảo hộ của Pháp (hòa ước Quý Mùi năm 1883). Pháp đem quân chiếm các tỉnh miền Bắc và hòa ước Giáp Thân 1884 gọi là hòa ước Patenôtre (thời vua Hàm Nghi), toàn bộ nước Việt Nam đặt dưới quyền cai trị của Pháp. Ngày 23 tháng 5 âm lịch năm Ất Dậu (tức đêm 4 rạng ngày 5 tháng 7, 1885) Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết chủ trương đánh Pháp thất bại, kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi chạy trốn. Tôn Thất Thuyết nhân danh vua truyền hịch Cần Vương hiệu triệu thân dân trong nước đồng tâm ra sức cứu nước. Kết quả là những cuộc khởi nghĩa đã nổi lên âm ỉ như phong ba bão táp, trong đó có cuộc kháng chiến của cụ Phan Đình Phùng. Sau cuộc kháng chiến của cụ Phan Đình Phùng thất bại, đầu thế kỷ 20, các nhà ái quốc Việt Nam chạy sang Tàu, sang Nhật vận động duy tân, kêu gọi dân chúng đổi mới, tự cường, tạo nên phong trào đòi độc lập khắp nơi trong nước. Những nhà ái quốc tiêu biểu cho giai đoạn này là Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Kỳ Ngoại Hầu Cường Để v.v... Cuộc cách mạng Tân Hợi 1911

ở Trung Hoa do Tôn Dật Tiên lãnh đạo lật đổ nhà Thanh thắng lợi, gây ảnh hưởng lớn đối với Cách Mạng Việt Nam. Năm 1930, Nguyễn Thái Học lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Yên Bái thất bại, 13 liệt sĩ bị xử tử, những người khác bị tù đầy, một số trốn qua Trung Hoa. Trong thế chiến thứ hai 1939-1945, phe Cách Mạng Việt Nam ở Trung Hoa thành lập Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội (gọi tắt là Việt Cách) do Trương Bội Công và Nguyễn Hải Thần lãnh đạo, quy tụ những nhà ái quốc Việt Nam lưu vong được Đồng Minh (trong đó có Mỹ và Tưởng Giới Thạch) ủng hộ, chống lại quân Nhật.

## **TRANH CHẤP GIỮA CHỦ NGHĨA TỰ DO VÀ CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN**

Trong khi Việt Nam Quốc Dân Đảng, từ 1927 đi theo Tam Dân Chủ Nghĩa của Tôn Dật Tiên (Trung Hoa Quốc Dân Đảng) thì năm 1939, Trương Tử Anh và một số sinh viên Đại Học Hà Nội thành lập Đại Việt Quốc Dân Đảng với chủ nghĩa Dân Tộc Sinh Tồn, chủ trương chống Pháp giành độc lập, thực hiện một chế độ tự do, dân chủ. Các đảng Cách Mạng ở trong nước cũng như Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội ở ngoại quốc không chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản do Nguyễn Ái Quốc, tên tay sai của Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế từ Liên Xô đem về. Sự bất đồng về chủ nghĩa chính trị giữa những người Quốc Gia và người Cộng Sản khởi đi từ đó.

## **HỒ CHÍ MINH LÀ AI?**

Nguyễn Ái Quốc tức là Hồ Chí Minh sau này, con Phó Bảng Nguyễn Sanh Huy (hay Nguyễn Sanh Sắc), người huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sau khi vào Sài Gòn và xin được một chân bồi tàu qua Pháp, y tìm đến cụ Phan Chu Trinh nhờ giúp đỡ và học nghề chụp hình để kiếm sống. Y cũng đã từng nộp đơn xin vào học trường dành riêng cho học sinh các xứ thuộc địa của Pháp để sau này được đi lính Pháp, phục vụ cho Pháp, nhưng bị từ chối, từ đó y đổi tên là Nguyễn Tất Thành. Qua cụ Phan, y mới quen biết được với các ông Phan Văn Trường (Luật Sư) và Nguyễn Thê Truyền (Tiến Sĩ Khoa Học) là hai người trí thức khoa bảng của Việt Nam ở Paris. Nhờ nhóm xã hội Pháp tài trợ, hai ông xuất bản báo Le Paria (Người Cùng Khổ), bút hiệu Nguyễn-Pháp. Về sau vì sợ mất lòng nhóm Xã Hội Pháp nên đổi tên là Nguyễn Ái Quốc. Được một thời gian, hai ông nhận thấy chủ nghĩa xã hội (tức chủ nghĩa Cộng Sản) không thích hợp với dân tộc Việt Nam nên hai ông đã rút lui. Riêng Nguyễn Tất Thành thì tình nguyện tiếp tục cộng tác với báo Le Paria và tiếp tục mang cái tên chung của hai ông trước đây là Nguyễn Ái Quốc. Trong thế chiến thứ I (1914-1918), Nguyễn Ái Quốc theo phe Cộng Sản Pháp chống Đức và đã cho mật thám Pháp biết cụ Phan Chu Trinh có liên lạc với Đức để chống Pháp. Vì thế cụ Phan Chu Trinh bị Pháp bắt giam tại ngục La Santé (Paris). Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc theo phe Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế và được huấn

luyện ở Nga để trở thành cán bộ Cộng Sản đặc trách Đông Á. Sau đó y đổi tên là Lý Thụy và theo Borodine vào Trung Hoa hoạt động với danh nghĩa thông dịch viên, nhưng thực chất là hoạt động tình báo cho Cộng Sản Quốc Tế.

Năm 1930, y triệu tập cuộc họp tại Hồng Kông để thống nhất các khuynh hướng Cộng Sản tại Việt Nam và lập ra Đảng Cộng Sản Đông Dương do y lãnh đạo. Trong thời gian ở Trung Hoa y thường tiếp xúc với cụ Hồ Học Lãm, một nhà cách mạng Việt Nam lưu vong và y đổi tên là Hồ Chí Minh để khỏi bị lộ tông tích. Y đã dùng chiêu bài chống thực dân, dành độc lập để đánh lừa những thanh niên yêu nước và đồng bào Việt Nam. Khi Nhật chiếm Đông Dương, y về nước hoạt động ở vùng biên giới. Y được tướng Long Tế Quang (quân đội Tưởng Giới Thạch) bắt vì được tin cho biết Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, một cán bộ cao cấp của Cộng Sản Quốc Tế... Nhưng y khai là người của Cách Mạng Việt Nam cử sang Trung Hoa để liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam lưu vong, tổ chức kháng Nhật. Vì thế Long Tế Quang đã đưa y đến trụ sở Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội để nhận diện, nhưng không ai biết mặt y. Tại đây, y đã đánh lừa được cụ Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh và đã được các cụ cho y tuyên thệ gia nhập Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội. Ngày 9 tháng 3 năm 1945 khi Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương thì tướng Alessandri ở Lạng Sơn đã đem 5.000 lính Pháp chạy qua Trung Hoa liên minh với Tưởng Giới Thạch chống Nhật, không chịu đầu hàng. Trong quân đội của ông có một đại úy người Việt Nam tên là Viên, thường gọi là quan Ba Viên hay Ba Viên. Ba Viên thường lui tới trụ sở Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội và Hồ Chí Minh nhiều lần tiếp xúc với y. Nhân dịp Hồ Chí Minh xin trở về nước hoạt động kháng Nhật, Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội đã cho Ba Viên hộ tống y về nước cùng đi với một số cán bộ trẻ, ưu tú thuộc tổ chức, để chuẩn bị cho phong trào và đón quân đội Đồng Minh đổ bộ giải phóng Đông Dương. Hồ Chí Minh đã âm mưu với Ba Viên giết tất cả các cán bộ ưu tú này tại biên giới. Y cũng liên lạc với tổ chức tình báo OSS của Mỹ để xin giúp đỡ phương tiện hoạt động tại vùng biên giới Việt Nam-Trung Quốc.

Hồ Chí Minh đã lập ra một tổ chức lấy tên là Mặt Trận Việt Minh, để mọi người lầm tưởng là Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, một tổ chức cách mạng đã được nhiều người biết đến từ trước. Sau khi nắm được chính quyền, Cộng Sản mới giải thích Việt Minh tức Việt Nam Độc Lập Đồng Chí Hội khác với Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội của Trương Bội Công và Nguyễn Hải Thần lập ra. Chúng bỏ hai chữ “Cách Mệnh” và thay thế bằng hai chữ “Độc Lập”. Đây cũng chỉ là thủ thuật, tiểu xảo của Hồ Chí Minh mà thôi. Năm 1940, Nhật đem quân vào Đông Dương, lấy cớ bảo vệ con đường tiếp tế cho quân Nhật ở Hoa Nam nhưng vẫn duy trì chính quyền của Pháp như cũ. Lúc bấy giờ quân Nhật quá mạnh nên Pháp đành phải chấp thuận. Nhưng về sau, Nhật bị thất thế ở các mặt trận Đông

Nam Á và Thái Bình Dương, nên buộc lòng phải dùng quân đội đảo chính Pháp để nắm trọn quyền trong tay mới đủ sức đối phó với tình hình. Trước đó, Nhật đã chuẩn bị đưa Kỳ Ngoại Hầu Cường Để từ Nhật về nước thay thế vua Bảo Đại và ông Ngô Đình Diệm sẽ giữ chức vụ Thủ Tướng. Cường Để thuộc dòng dõi hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh, con trưởng vua Gia Long. Nhưng nếu thay đổi toàn bộ chính quyền vào thời điểm đó thì sẽ tạo nên nhiều khó khăn cho Nhật, vì thế Nhật đã móc nối với vua Bảo Đại vào giờ chót và ông Trần Trọng Kim được mời làm Thủ Tướng thay vì mời ông Ngô Đình Diệm. Ngày 11 tháng 3 năm 1945, vua Bảo Đại tuyên bố Việt Nam độc lập trong khối Liên Minh Đại Đông Á của Nhật và xé bỏ các hiệp ước bất bình đẳng đã được ký kết giữa các vua nhà Nguyễn với Pháp trước đây. Việt Nam theo chế độ Quân Chủ Lập Hiến, có vua và có Chính Phủ do Thủ Tướng lãnh đạo. Ngày 17 tháng 4 năm 1945, Thủ Tướng Trần Trọng Kim trình diện Tân Nội Các, chọn quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ, hai sọc liền, sọc ở giữa rời ra như hình quẻ Ly nên gọi là cờ quẻ Ly.

## **VIỆT MINH CƯỚP CHÍNH QUYỀN TẠI HÀ NỘI**

Lúc đầu Mỹ chỉ tham chiến ở Âu Châu và giữ thái độ không can thiệp đối với Nhật. Nhưng sau vụ Nhật bắt thành linh tấn công Trân Châu Cảng (Pearl Harbor) thì Mỹ mới phản công quân Nhật ở mặt trận Thái Bình Dương. Mỹ tuyên bố cắt đứt mọi liên lạc với Nhật. Do đó, khi Mỹ lên tiếng kêu gọi Nhật đầu hàng thì không thấy Nhật trả lời. Vì thế Mỹ mới quyết định thả bom nguyên tử xuống hai thành phố Nagasaki và Hiroshima. Thật ra Nhật đã nhờ Nga chuyển thư trả lời cho Mỹ (vì Nga và Nhật đã ký hiệp ước bất tương xâm nên hai bên vẫn có quan hệ bình thường). Nhưng Nga cố ý trì hoãn không chịu chuyển thư của Nhật cho Mỹ. Do Nga biết được tình hình của Nhật nên đã cho Hồ Chí Minh chuẩn bị cướp chính quyền sau khi Nhật tuyên bố đầu hàng, đồng thời Nga cũng cho quân đổ bộ chiếm Mãn Châu ngay khi Mỹ thả bom nguyên tử xuống hai đảo của Nhật. Mãn Châu là nơi chưa bị chiến tranh tàn phá và là nơi dự trữ lương thực, vũ khí. Sau này Nga đã rút quân và để cho Mao Trạch Đông đem quân chiếm Mãn Châu trước khi quân Tưởng Giới Thạch đến tiếp thu. Về phía các nhà cách mạng Việt Nam lưu vong ở Trung Hoa, họ vẫn chờ đợi quân đội Đồng Minh đổ bộ lên Đông Dương để theo chân quân đội Đồng Minh về nước. Nhưng hai quả bom nguyên tử đã làm thay đổi tình hình quá nhanh chóng và việc Mỹ hứa giúp tiền bạc và khí giới để tổ chức huấn luyện quân đội cũng đã không thực hiện. Họ chỉ còn biết dựa vào sự giúp đỡ của Tưởng Giới Thạch mà thôi. Cuộc gặp gỡ của các nhà lãnh đạo Đồng Minh trong hai hội nghị Yalta (1945) trước khi thế chiến thứ hai chấm dứt và Postdam (1946) đã quyết định: sau khi Nhật và Đức đầu hàng thì số phận các nước nhược tiểu bị nô lệ phải được độc lập và giữ nguyên trạng, quân đội Đồng Minh sẽ duy trì an ninh trật tự và giúp các nước đó xây dựng chế độ dân chủ. Chủ trương của Mỹ

là xóa bỏ chế độ đế quốc thuộc địa. Như vậy, chính quyền Bảo Đại vẫn là hợp pháp và là đại diện duy nhất cho Việt Nam sau khi thế chiến thứ hai chấm dứt. Nhưng vua Bảo Đại vì liên minh với Nhật nên không biết rõ những quyết định nội bộ của phe Đồng Minh. Ngoài ra, ông còn sợ bị truy tố về tội phạm chiến tranh như vua nước Nhật nên khi Nhật đầu hàng, ông vô cùng bối rối.

Về phía Hồ Chí Minh và phe Cộng Sản thì đã sẵn sàng hành động vì đã nắm được tình hình qua vai trò của Liên Xô (Nga) trong phe Đồng Minh. Đa số thành phần lãnh đạo của phe Quốc Gia lúc đó còn nằm ở Trung Quốc, đợi khi quân Tưởng Giới Thạch vào Việt Nam giải giới quân Nhật thì Hồ Chí Minh đã tổ chức cướp chính quyền rồi. Sau khi Nhật tuyên bố đầu hàng, Mặt Trận Việt Minh cũng như các đảng phái Quốc Gia hoạt động công khai. Tình hình trong nước rất lộn xộn, vua Bảo Đại rất bối rối. Ông Phan Kế Toại, Khâm Sai Đại Thân của vua Bảo Đại ở Hà Nội, trước tình hình sôi động bên ngoài, đã cho người đi liên lạc với các đảng phái Quốc Gia. Nhưng không ai dám quyết định vì còn đợi liên lạc với Trung Ương ở Trung Quốc. Trong khi đó, phe Cộng Sản nghe tin, liền chạy đến tiếp xúc với Phan Kế Toại và yêu cầu trao chính quyền cho Mặt Trận Việt Minh (của Hồ Chí Minh). Phe Cộng Sản đã dùng chiến thuật cho người đi treo cờ khắp nơi để hu trương thanh thế làm cho mọi người lầm tưởng rằng ở đâu cũng có người của họ.

## **VUA BẢO ĐẠI THOÁI VỊ VÀ TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**

Trong một cuộc hội nghị do công chức thành phố Hà Nội tổ chức vào ngày 19 tháng 8 năm 1945 để ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim, Việt Minh đã cho một bộ phận nhỏ chiếm lấy khán đài, đọc tuyên ngôn của Mặt Trận Việt Minh và hô hào nhân dân nổi dậy cướp chính quyền. Dân tộc Việt Nam hơn 80 năm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, mong ước có ngày được độc lập, nên đã nhiệt tình hưởng ứng lời kêu gọi đó. Trong thời gian chống Pháp, các tổ chức cách mạng hoạt động bí mật, dân chúng chỉ nghe tên mà không phân biệt được ai là Cộng Sản, ai là Quốc Gia chân chính. Mặt Trận Việt Minh chỉ tuyên truyền họ là người yêu nước và đã khéo léo che dấu bản chất làm tay sai cho Cộng Sản Quốc Tế (Liên Xô) nên đa số đồng bào, nhất là thành phần thanh niên trí thức yêu nước đã hăng hái tham gia Mặt Trận Việt Minh. Phe Quốc Gia vì sợ bị ngộ nhận là tranh công, gây chia rẽ nên đành im lặng mặc dầu lúc đó lực lượng của phe Quốc Gia kể về số cán bộ cũng như vũ khí đều mạnh hơn Việt Minh rất nhiều.

Lần đầu tiên cờ đỏ sao vàng của Mặt Trận Việt Minh được đưa ra giới thiệu trước dân chúng và đương nhiên cướp công của bao nhiêu người đã vận động tổ chức biểu tình tại Hà Nội hôm 19 tháng 8 năm 1945 và cướp công tranh đấu của bao thế hệ đã đổ máu chống thực dân Pháp để dành lại tự do và độc lập cho dân tộc Việt Nam. Việt Minh đã hô hào dân chúng đi các nơi để tiếp thu chính quyền một cách

dễ dàng, không một lực lượng nào chống đối. Quân Nhật giữ thái độ im lặng. Chính quyền Trung Ương ở Huế và vua Bảo Đại không ban hành một chỉ thị hay mệnh lệnh nào cho các địa phương. Các quan cấp tỉnh, phủ, huyện tùy nghi muốn làm sao thì làm. Các đảng phái Quốc Gia tự động tổ chức lực lượng tự vệ riêng và sau này đã trở thành các chiến khu chống Pháp và chống Cộng Sản. Trước tình hình như thế, nếu vua Bảo Đại yêu cầu quân Nhật duy trì an ninh trật tự thì đã có thể duy trì chính quyền trong tay được. Nhưng nhà vua đã ngã lòng trước phong trào dân chúng sục sôi đòi độc lập và thấy quân Nhật chán nản sau cái tin vua Nhật tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Ngoài ra Việt Minh cũng đã móc nối với Phạm Khắc Hòe, ngự tiền văn phòng của vua làm trung gian cho họ gặp vua để vận động vua thoái vị và trao chính quyền cho Việt Minh. Theo hồi ký của vua Bảo Đại, người Nhật có đề nghị dùng quân đội của họ để dẹp loạn, duy trì an ninh trật tự. Nhưng nhà vua từ chối sử dụng quân Nhật vào lúc đó. Ngày 25 tháng 8 năm 1945, vua Bảo Đại đã đọc chiếu thoái vị và tuyên bố: *“Thà làm dân một nước độc lập, hơn làm vua một nước nô lệ.”* Phái đoàn Việt Minh do Trần Huy Liệu, Tôn Quang Phiệt, Tố Hữu, Cù Huy Cận, v.v... đã vào Huế nhận ấn kiếm của vua. Dân chúng được tin quá bất ngờ, nhiều người đã khóc vì nghĩ đến sự nghiệp của nhà Nguyễn mấy trăm năm mở mang Miền Nam, phút chốc con cháu đã để mất ngai vàng.

## **PHÂN CHIA ĐẤT NƯỚC**

Qua các sự kiện trên, ta thấy có hai khuynh hướng chính trị giữa những người Việt Nam cùng chung một mục đích: đánh đuổi quân Pháp xâm lược. Hai khuynh hướng đó là Quốc Gia và Cộng Sản. Người Quốc Gia theo chế độ tự do dân chủ như Hoa Kỳ và đa số các quốc gia trên thế giới hiện nay. Người Cộng Sản do Hồ Chí Minh lãnh đạo theo chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa tức chế độ Cộng Sản độc tài như Liên Xô (nước Nga trước 1990), Trung Cộng, Bắc Hàn, Cuba và các nước trong khối Cộng Sản Đông Âu trước đây. Vì khác lý tưởng nên giữa một dân tộc nảy sinh ra những mối thù không đội trời chung. Ngày nay chúng ta đều thấy rõ chủ nghĩa Cộng Sản đã thất bại, ngay tại Nga (Liên Xô) là nơi sản sinh ra chế độ đó, là trung ương lãnh đạo toàn thế giới Cộng Sản trước đây, ngày nay cũng phải từ bỏ chủ nghĩa đó, vì nó đã đem lại đói rách, áp bức, bất công cho dân tộc này. Do đó, chiến tranh Việt Nam là cuộc nội chiến giữa phe Quốc Gia tranh đấu cho tự do, dân chủ và nhân quyền và phe Cộng Sản với chính sách độc tài, áp bức, đầy tham nhũng, thối nát và bất công.

## HIỆP ĐỊNH GENÈVE – 30 THÁNG 7 NĂM 1954

Sau khi vua Bảo Đại thoái vị ngày 25 tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh phong cho cựu hoàng chức cố vấn và đưa ông ra giam lỏng ở Hà Nội. Có thể chính quyền trong tay, Đảng Cộng Sản bành trướng nhanh và tổ chức cơ sở từ Trung Ương đến địa phương, dùng những người vô học, chủ trương bài xích tôn giáo và giai cấp đấu tranh, tiêu diệt địa chủ, phú nông, tư sản, v.v...

Khi Việt Minh kêu gọi toàn dân đứng lên cướp chính quyền trong tay Nhật, lúc đó mọi người vì khao khát độc lập nên không chú trọng đến vấn đề Cộng Sản hay Quốc Gia. Nhưng sau đó, khi quân đội Tưởng Giới Thạch do hai tướng Lư Hán và Tiêu Văn vào Việt Nam để giải giới quân đội Nhật thì các lãnh tụ Cách Mạng Việt Nam lưu vong ở Trung Quốc (Phe Quốc Gia) cùng với lực lượng vũ trang của họ cũng trở về nước và bắt đầu có cuộc tranh chấp Quốc-Cộng xảy ra. Từ khi quân Nhật vào Đông Dương thì các đảng phái Quốc Gia đã hoạt động mạnh trở lại, nhưng vì lãnh tụ còn ở ngoại quốc nên không dám quyết định cướp chính quyền, do đó mà chính quyền rơi vào tay Việt Minh (Cộng Sản). Giờ đây dựa thế quân đội Tưởng Giới Thạch, họ công khai chỉ trích phe Cộng Sản và đòi thực thi các quyền tự do dân chủ. Hồ Chí Minh một mặt dùng vàng bạc để mua chuộc cảm tình của các tướng Tàu, mặt khác đưa ra chiêu bài Chính Phủ Liên Hiệp, kêu gọi đoàn kết chống Pháp để cầm chân các lãnh tụ của phe Quốc Gia tại Hà Nội.

Hồ Chí Minh còn qua Pháp ký một hiệp ước thuận cho quân Pháp có mặt ở Sài Gòn, Vũng Tàu, Cam Ranh, Đà Nẵng, Hải Phòng và Hà Nội. Chính vì thế, Pháp mới thương lượng với Tưởng Giới Thạch cho quân Tàu rút lui để Pháp thay thế. Nội bộ phe Quốc Gia chia rẽ, một nhóm tham gia Chính Phủ Liên Hiệp của Hồ Chí Minh, một số chủ trương phải lật đổ chính quyền Việt Minh và bất hợp tác với phe Cộng Sản. Nhân danh kháng chiến, nhân danh yêu nước, Việt Minh đã bắt cóc, thủ tiêu hàng triệu người từ Nam chí Bắc, nhất là ở vùng quê. Dân tộc Việt Nam khi hiểu được Việt Minh là gì, Cộng Sản là gì thì đã quá muộn, chân đã vào tròng làm sao rút ra được nữa.

Các giáo phái và đảng phái Quốc Gia đã tự vũ trang kháng Pháp. Ở Miền Bắc, đồng bào theo đạo Công Giáo vùng Bùi Chu, Phát Diệm đã đứng ra tự thành lập lực lượng vũ trang tự vệ. Ở trong Nam, các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo cũng tự vũ trang để kháng chiến. Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt Quốc Dân Đảng thống nhất thành một mặt trận và cũng lập chiến khu khắp nơi. Một số người trong đó có Trương Tử Anh (Đại Việt) chủ trương giải pháp Bảo Đại và tìm cách vận động cho cựu hoàng thoát khỏi kềm chế của Việt Minh. Bảo Đại đến Hồng Kông vận động Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam. Thanh niên yêu nước trong đó có các đảng viên của Việt Quốc và Đại Việt đã hy sinh trong đợt tấn công vào quân

Pháp đầu tiên. Trong khi đó, Võ Nguyên Giáp chủ trương rút vào chiến khu để bảo toàn lực lượng. Máu của những người yêu nước đã đổ ra nhưng mọi người cứ hiểu rằng đó là máu của người Cộng Sản hy sinh cho tổ quốc trong Mặt Trận Việt Minh.

Phe Quốc Gia đã chiến đấu kháng Pháp ở các chiến khu dọc theo biên giới Việt-Trung Hoa cho đến khi giải pháp Bảo Đại thành hình, Pháp trả độc lập cho chính quyền Quốc Gia mà họ vẫn chiến đấu vì mất liên lạc, không biết rõ tình hình. Giai đoạn đầu, tháng giêng năm 1947, quân Pháp chiếm các thành phố từ Nam ra Bắc và thiết lập một chính quyền lâm thời để duy trì an ninh trật tự, ngăn chặn sự tàn sát dã man của Cộng Sản đối với những người Quốc Gia, đồng thời Bolaert, thay mặt chính phủ Pháp kêu gọi những phần tử kháng chiến không Cộng Sản trở về hợp tác. Một phái đoàn đại diện tôn giáo, đảng được phái qua Hồng Kông gặp Bảo Đại để thảo luận đồng thời hậu thuẫn cho ông trong cuộc tranh đấu đòi Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam. Từ 1947 đến 1949, chính quyền ở trong tay người Pháp. Nhưng từ khi ký hiệp ước tại vịnh Hạ Long 1949, vua Bảo Đại trở thành Quốc Trưởng, có chính phủ, có quân đội và ngoại giao riêng thì Việt Nam là một nước độc lập và được quốc tế thừa nhận. Sự hiện diện của quân đội Pháp tại Việt Nam lúc đó là để bảo vệ cho chính quyền Việt Nam đang còn mới mẻ, đợi khi nào Việt Nam tổ chức được một quân đội mạnh mẽ thì người Pháp sẽ rút lui hoàn toàn. Chính vì lý do đó mà Hoa Kỳ đã viện trợ cho Việt Nam súng đạn, tiền bạc để chống lại Cộng Sản, bảo vệ tự do. Cuộc chiến đấu không còn mang tính cách chống xâm lăng dành độc lập mà là cuộc chiến tranh ý thức hệ: một bên là những người theo chủ nghĩa Cộng Sản với lý tưởng để xây dựng một xã hội Cộng Sản trên đất nước Việt Nam. Khẩu hiệu của họ là “*Vì Đảng, Vì Chủ Nghĩa Cộng Sản*”; vai trò tổ quốc là thứ yếu hay chỉ để lừa dối những người yêu nước chân chính mà thôi. Một bên là những người Quốc Gia không chấp nhận chủ nghĩa Cộng Sản, họ chiến đấu để bảo vệ nền văn hóa dân tộc, bảo vệ tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng và các quyền tự do khác của con người trong chế độ dân chủ.

Lực lượng Việt Minh đã bị đánh đuổi vào tận rừng sâu hay vùng biên giới Việt-Trung Quốc. Sau năm 1949, Mao Trạch Đông (Cộng Sản Trung Hoa) thắng Tưởng Giới Thạch (Quốc Gia Trung Hoa), thực hiện chủ nghĩa Cộng Sản ở Trung Quốc thì Cộng Sản Việt Nam được sự giúp đỡ từ Liên Xô và Trung Cộng qua biên giới Việt-Trung, đã mở các mặt trận phản công quân Pháp-Việt ở Miền bắc như Bắc Sơn, Hòa Bình, Lạng Sơn và cuối cùng là trận Điện Biên Phủ.

Trong trận này, Pháp muốn dùng căn cứ Điện Biên Phủ như là một miếng mồi để nhử Việt Minh đến và sẽ dùng máy bay ném bom tiêu diệt chúng. Pháp đã thương lượng với Mỹ và Mỹ hứa sẽ yểm trợ máy bay oanh tạc. Nhưng khi mặt trận đến hồi gay cấn thì Mỹ từ chối không thực hiện lời hứa, vì thế Pháp đã thua Việt Minh.



Trận Điện Biên Phủ bắt đầu từ ngày 13 tháng 3 năm 1954 đến ngày 7 tháng 5 năm 1954, quân Pháp đầu hàng Việt Minh. Lực lượng Pháp khoảng 20.000 lính cố thủ trong căn cứ, và Việt Minh có trên 60.000 lính bao vây bên ngoài. Vũ khí và các phương tiện vận tải đều do Trung Cộng tiếp tế từ biên giới qua. Trong Thế Chiến Thứ Hai (1939-1945), chủ trương của Mỹ là trao trả độc lập cho các nước thuộc địa, xóa bỏ chế độ đế quốc thực dân. Vì thế, khi Nhật đảo chính Pháp tại Đông Dương ngày 9 tháng 3 năm 1945, Pháp kêu gọi không lực Mỹ đóng ở Côn Minh (Trung Quốc) giúp. Nhưng Mỹ từ chối không yểm trợ các đơn vị của Pháp còn chống Nhật trên đường từ Bắc Việt rút lui sang Trung Quốc. Mỹ muốn dùng bàn tay Nhật loại Pháp ra khỏi Đông Dương, sau đó Mỹ sẽ đánh thắng Nhật và cho Việt Nam độc lập trong quan hệ kinh tế với Mỹ. Nhưng Mỹ chưa kịp trở tay thì Việt Minh đã cướp chính quyền rồi nên Mỹ đã để lỡ mất một cơ hội. Trong Hội Nghị Genève năm 1954, Mỹ và Việt Nam (phe Quốc Gia) chống giải pháp chia cắt lãnh thổ, nhưng Pháp muốn rút lui nên đã thuận chia đôi Việt Nam: Miền Bắc trao cho người Cộng Sản, Miền Nam trao cho người Quốc Gia.

## **CUỘC DI CƯ TỪ BẮC VÀO NAM**

Hiệp định đình chiến tại Đông Dương được ký kết tại Genève, thủ đô nước Thụy Sĩ vào ngày 20 tháng 7 năm 1954 giữa Pháp và Việt Minh (Hồ Chí Minh). Các cường quốc ký tên bảo đảm việc thi hành hiệp định là Anh, Liên Xô (Nga) và Trung Cộng. Chính phủ Bảo Đại (phe Quốc Gia) và Hoa Kỳ phản đối không ký tên vào hiệp định đó. Ba nước được mời tham gia vào Ủy Ban Kiểm Soát Đình Chiến là Ấn Độ, Ba Lan và Canada. Theo hiệp định này thì từ vĩ tuyến 17 trở ra Bắc thuộc Việt Minh do Hồ Chí Minh lãnh đạo và từ vĩ tuyến 17 trở vào Nam thuộc Quốc Gia do Bảo Đại lãnh đạo (Ngô Đình Diệm là Thủ Tướng được Quốc Trưởng Bảo Đại trao cho toàn quyền quyết định). Sông Bến Hải tức sông Hiền Lương thuộc huyện Gio Linh tỉnh Quảng Trị là ranh giới giữa hai miền. Trong vòng 300 ngày, quân đội bên nào phải rút về bên nấy. Dân chúng được tự do lựa chọn nơi cư trú hoặc Miền Bắc hoặc Miền Nam. Sau hai năm thì sẽ có cuộc tổng tuyển cử tự do để cho nhân dân được quyền lựa chọn chế độ cho Việt Nam. Không được quyền trả thù đối với những người trước đây đã phục vụ bên phe Quốc Gia hay Việt Minh (Cộng Sản) hiện đang cư trú tại Miền Bắc hoặc Miền Nam. Hơn một triệu người đã bỏ nhà cửa, ruộng vườn, tài sản, mồ mả tổ tiên để ra đi, không chấp nhận sống dưới chế độ độc tài, áp bức, bóc lột và chủ trương vô thần, tiêu diệt tôn giáo. Họ đã bị Cộng Sản tuyên truyền ngăn chặn không cho vào Nam nhất là những vùng xa xôi hẻo lánh. Những người may mắn lắm mới được vào Nam. Những người còn lại ở miền Bắc đã phải sống vất vả, nghèo khổ, đói rách, làm bao nhiêu cũng không đủ đóng thuế cho nhà nước. Họ lại còn bị kiểm soát đủ mọi mặt nhất là mặt tư tưởng và tôn giáo.

Việt Cộng còn chủ trương phân chia giai cấp, phát động những đợt đấu tố địa chủ, giết hại dân vô tội rất dã man gây nên chia rẽ trầm trọng trong dân chúng vốn từ đời này qua đời khác vẫn có nếp sống hiền hòa, thương yêu đùm bọc lẫn nhau.

## **ĐỆ NHẤT CỘNG HÒA**

Ngày 7 tháng 7 năm 1954, ông Ngô Đình Diệm về nước thành lập chính phủ, hơn nửa tháng sau thì hiệp định Genève được ký kết, đất nước bị chia đôi. Một triệu người di cư từ Bắc vào Nam là một gánh nặng vô cùng to lớn đối với chính quyền đương thời. Thủ Tướng Ngô Đình Diệm phải kêu gọi toàn thể thế giới tự do viện trợ nhân đạo cho những người di cư tỵ nạn Cộng Sản. Chương trình định cư được thiết lập để giúp những người từ miền Bắc bỏ hết nhà cửa tài sản vào Nam đi tìm tự do. Khó khăn thứ hai là toàn bộ quân Pháp từ miền Bắc đã rút vào Nam, tạo nên một áp lực chính trị đối với Thủ Tướng Ngô Đình Diệm trong thời gian mới chấp chánh. Khó khăn thứ ba là sự bất đồng giữa các lực lượng võ trang của Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên cũng như các khuynh hướng chính trị Quốc Gia khác đối với Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, đã tạo nên tranh chấp chia rẽ khiến cho chính phủ phải dùng đến biện pháp quân sự để giải quyết.

Ngày 23 tháng 10 năm 1955, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm tổ chức trưng cầu dân ý, truất phế Quốc Trưởng Bảo Đại, tuyên bố thành lập chế độ Cộng Hòa, bầu cử Quốc Hội Lập Hiến. Ngày 26 tháng 10 năm 1956, Tân Hiến Pháp ra đời, ông Ngô Đình Diệm được Quốc Hội suy cử lên làm Tổng Thống đầu tiên của Miền Nam lúc đó được gọi tên là Cộng Hòa Việt Nam. Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã đạt được những thành quả to lớn:

- Tranh đấu buộc quân đội Pháp phải rút toàn bộ về nước sau 1954, trao trả quyền chỉ huy quân sự lại cho Việt Nam;
- Xây dựng được một quân đội mạnh, có khả năng chiến đấu để bảo vệ quốc gia, chống lại sự xâm nhập của Cộng Sản từ miền Bắc vào;
- Tổ chức chính quyền vững mạnh từ Trung Ương đến địa phương, loại trừ Cộng Sản nằm vùng qua chiến dịch tố Cộng, đem lại an ninh cho đồng bào, kinh tế phát triển, bảo đảm được giá trị đồng bạc, tạo cho người dân một cuộc sống thanh bình ấm no;
- Được các nước tự do trên thế giới ủng hộ, có đại diện ngoại giao, tham gia các tổ chức quốc tế, là thành viên của Liên Minh các Quốc Hội trên thế giới (tức tổ chức Liên Hiệp Nghị Sĩ Quốc Tế và Liên Hiệp Nghị Sĩ Á Châu) v.v...

Nhưng Cộng Sản miền Bắc, với chủ trương gây bất ổn hầu phá hoại công cuộc xây dựng và phát triển tại miền Nam nên đã ra sức xâm nhập, tuyên truyền, gây chiến

tranh, tạo xáo trộn. Chúng xâm nhập người, vũ khí, đạn dược vào miền Nam để thực hiện mộng bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản. Từ 1960 trở đi, chúng mở các cuộc tấn công phá hoại quy mô và thành lập cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, một tổ chức tay sai của Cộng Sản Hà Nội, vi phạm hiệp định Genève 20 tháng 7 năm 1954, tuyên truyền lôi kéo những phần tử trí thức bất mãn hoặc những người nhẹ dạ đi theo chúng. Ở những nơi xa xôi hẻo lánh, chúng bắt dân phải đóng thuế nuôi quân, bắt phải gia nhập lực lượng du kích kháng chiến, phá hoại đường sá, cầu cống, nhà cửa, cơ quan, giết mìn xe đò, bắt cóc, ám sát, khủng bố... Không một trò dã man nào mà chúng không làm. Nhân dân bỏ ruộng vườn, nhà cửa... chạy về thành phố. Người đông, thực phẩm đất đỏ, đời sống khó khăn... Cộng Sản tuyên truyền đổ lỗi cho chính quyền Quốc Gia đã tạo nên tình trạng đó. Cộng Sản đã thành công trong vấn đề đã tạo nên xáo trộn chia rẽ trong nội bộ những người Quốc Gia, chia rẽ đảng phái, chia rẽ tôn giáo, chia rẽ địa phương. Chiến tranh càng ngày càng lan tràn, tình trạng bất công tham nhũng càng phát sinh. Cuộc tranh đấu của Phật Giáo ở Huế chống lại Tổng Thống Ngô Đình Diệm vào tháng 5 năm 1963 tạo cơ hội cho Mỹ can thiệp mạnh vào Việt Nam, gây áp lực đòi Tổng Thống Ngô Đình Diệm phải thay đổi chính sách, mở rộng các quyền tự do dân chủ cho dân và phải công nhận đối lập. Sự cứng rắn trong đường lối lãnh đạo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã tạo nên sự căng thẳng giữa Mỹ và miền Nam Việt Nam.

Để giải quyết tình trạng đó, Mỹ đã lợi dụng một số tướng lãnh bất mãn để tổ chức lật đổ chế độ. Tổng Thống Ngô Đình Diệm và bào đệ là ông Ngô Đình Nhu đã bị ám sát trong cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963.

Dưới chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, luật pháp quốc gia được tôn trọng, quân đội và chính quyền đã có công bảo vệ an ninh cho đồng bào, nhiều cuộc hành quân lớn đã tiêu diệt được những đơn vị thiện chiến của Cộng Sản được trang bị vũ khí tối tân từ Miền Bắc xâm nhập vào.

## **ĐỆ NHỊ CỘNG HÒA**

Sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm chết rồi, các tướng lãnh tranh quyền, tạo chia rẽ trong quân đội. Tướng Dương Văn Minh lên thay Tổng Thống Ngô Đình Diệm làm Quốc Trưởng, cử ông Nguyễn Ngọc Thơ (nguyên là Phó Tổng Thống trong chế độ Ngô Đình Diệm) làm Thủ Tướng, đổi tên nước là Việt Nam Cộng Hòa thay vì Cộng Hòa Việt Nam (dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm), được ba tháng thì bị Tướng Nguyễn Khánh lật đổ (thường gọi là cuộc chỉnh lý) vào ngày 30 tháng 1 năm 1964. Nguyễn Khánh vẫn để Dương Văn Minh trong chức vụ Quốc Trưởng bù nhìn. Từ ngày Nguyễn Khánh lên làm Thủ Tướng nắm cả quyền quân sự lẫn

chính trị, tình hình càng xáo trộn hơn trước, Phật Giáo, sinh viên biểu tình chống chính quyền.

Nguyễn Khánh lập ra tam đầu chế: Nguyễn Khánh, Dương Văn Minh, Trần Thiện Khiêm và trao chức Thủ Tướng cho các chính khách bên dân sự. Các chính phủ từ Trần Văn Hương đến Phan Huy Quát vẫn không ổn định được tình hình. Các cuộc đảo chính do một số tướng lãnh chủ trương vào năm 1965 để lật đổ Nguyễn Khánh thất bại vì bị tướng chỉ huy Không Quân là Nguyễn Cao Kỳ ngăn cản. Hội đồng tướng lãnh buộc Nguyễn Khánh phải rút lui và lưu vong qua Pháp. Ngày 19 tháng 6 năm 1965 Tướng Nguyễn Văn Thiệu được cử làm Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia (Quốc Trưởng) và Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương (Thủ Tướng). Nhân vụ Tướng Nguyễn Chánh Thi ở Đà Nẵng bị mất chức, tháng 4 năm 1966 đã bùng nổ các cuộc biểu tình của sinh viên và Phật giáo ở Huế rồi lan dần ra các tỉnh Miền Trung. Lúc đầu với danh nghĩa ủng hộ Nguyễn Chánh Thi về sau chuyển hướng thành những cuộc biểu tình có tính cách bạo động, cướp chính quyền tại địa phương và đòi lật đổ chính quyền Trung Ương... Cộng Sản đã xâm nhập, tổ chức cơ sở trong các phong trào đó để hoạt động lâu dài... Vì thế chính quyền Trung Ương phải ra lệnh dùng biện pháp quân sự để tái lập trật tự. Tình trạng xáo trộn ở miền Nam đã tạo thuận lợi cho Cộng Sản xâm nhập ồ ạt từ miền Bắc vào Nam, thực hiện mưu đồ bành trướng xâm lược của chúng. Sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, năm 1964, toán quân Mỹ đầu tiên đã đến Đà Nẵng và sau đó đã ồ ạt đổ quân vào miền Nam để cứu vãn tình hình, do đó chiến tranh càng leo thang. Mỹ cho máy bay ném bom xuống miền Bắc, phá hoại các kho vũ khí, nhiên liệu và các phương tiện chiến tranh, đường sá, cầu cống, v.v... để ngăn chặn sự xâm nhập của Cộng Sản từ Bắc vào Nam. Với vũ khí của Liên Xô, Trung Quốc và các nước Cộng Sản cung cấp, Hà Nội huy động toàn bộ lực lượng thanh niên miền Bắc. Hàng triệu thanh niên ưu tú đã hy sinh để thực hiện mộng bành trướng của Cộng Sản. Cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam đều phải chịu chung sự tàn phá dã man của chiến tranh. Hàng triệu người dân vô tội phải chết oan. Hàng triệu thanh niên Việt Nam phải nhập ngũ theo luật Tổng Động Viên để bảo vệ tổ quốc.

Kể từ ngày mùng 1 tháng 11 năm 1963, sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ, Quốc Hội bị giải tán, Hiến Pháp của nền Đệ Nhất Cộng Hòa bị xé bỏ thì miền Nam Việt Nam không có Quốc Hội, không có Hiến Pháp, các tướng lãnh cai trị bằng Hiến Ước tạm thời và bằng sắc Lệnh. Tháng 5 năm 1965, ông Hà Thúc Ký nhân danh đảng Đại Việt Cách Mạng ra tuyên ngôn 9 điểm đòi thực hiện đại đoàn kết quốc gia, tổ chức bầu cử Quốc Hội, ban hành Hiến Pháp, thực thi các cải cách về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, v.v... Do sự đòi hỏi của các tôn giáo, chính đảng và các phong trào tranh đấu, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu-Nguyễn Cao

Kỳ đã cho tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến vào tháng 9 năm 1966 và sau khi Hiến Pháp 1 tháng 4 năm 1967 được ban hành, chính quyền đã tổ chức các cuộc bầu cử tổng thống, phó tổng thống, nghị sĩ Thượng Nghị Viện và dân biểu Hạ Nghị Viện vào tháng 9 và tháng 10 năm 1967. Từ đó quốc gia mới có các cơ chế hiến định của một chế độ dân chủ. Trong khi miền Nam tương đối đã ổn định về mặt chính trị thì vào dịp tết Mậu Thân 1968, Việt Cộng đã vi phạm lệnh hưu chiến, tấn công vào Sài Gòn và các thành phố Miền Nam, gây tang tóc cho chiến sĩ, cán bộ và đồng bào. Đặc biệt tại thành phố Huế, Việt Cộng đã chiếm đóng trong suốt 26 ngày đêm, đã bắt bớ tra tấn, giết hại đồng bào vô tội và đã chôn chung hàng trăm người trong những nấm mồ tập thể một cách rất dã man. Đồng bào trong nước và toàn thể nhân loại đang tiếp tục lên án hành động dã man đó. Tết Mậu Thân 1968 là một thất bại lớn của Cộng Sản, nhiều đơn vị hoàn toàn bị tiêu diệt, cơ sở nằm vùng bị phát hiện. Trên toàn quốc, Việt Cộng đã tổn thất hàng trăm ngàn cán binh chết, bị thương, bị bắt, v.v... Số người bỏ hàng ngũ Cộng Sản về đâu hàng theo chính sách chiêu hồi đã có từ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, đã được giúp đỡ, cho học chữ, học nghề, học hỏi về luật pháp và chế độ và sau đó đã trở lại cuộc sống bình thường của một người dân lương thiện. Tính đến năm 1973 có trên 350.000 người từ hàng ngũ Cộng Sản trở về với Quốc Gia. Công cuộc bình định sau Tết Mậu Thân 1968 rất tốt đẹp, tình hình an ninh ở nông thôn được tái lập, đồng bào trở lại sinh sống làm ăn bình thường.

## **HIỆP ĐỊNH PARIS**

Sau Tết Mậu Thân, phong trào phản chiến ở Mỹ phát triển mạnh, đòi hỏi chấm dứt chiến tranh, tái lập hòa bình. Do đó, phía Mỹ đã đề nghị với Cộng Sản Hà Nội tổ chức một hội nghị ở Paris để bàn về việc Mỹ rút quân khỏi Miền Nam cũng như Cộng Sản rút quân về Miền Bắc, để trở lại tình trạng hiệp định Genève 1954.

Trong khi hai bên Mỹ-Việt Nam Cộng Hòa và Hà Nội-Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam họp hội nghị ở Paris thì Cộng Sản vẫn theo chiến thuật cổ điển của chúng là tăng cường chiến tranh để tạo áp lực tại hội nghị, đồng thời dùng diễn đàn để tuyên truyền cho chúng. Mùa hè năm 1972, chúng xua quân công khai tràn qua sông Bến Hải (vĩ tuyến 17) ở Quảng Trị để chiếm Đông Hà, Quảng Trị, đồng thời chúng mở các trận đánh lớn vào Kontum, Bình Long, v.v... báo chí thời đó thường gọi cuộc tấn công này là “Mùa Hè Đỏ Lửa”. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã chiến đấu anh dũng tái chiếm thành Quảng Trị, giải tỏa áp lực tại Kontum và các tỉnh, nhất là giữ vững thị trấn An Lộc (tỉnh Bình Long) gây thiệt hại nặng nề cho Cộng Sản trên khắp các chiến trường. Mỹ chủ trương rút lui khỏi Việt Nam nên từ tháng 10 năm 1972, Mỹ đã ép Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chấp nhận một số điều kiện bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu

không chịu. Nhận thấy ý đồ của Cộng Sản Hà Nội vẫn kiên trì kéo dài hội nghị và mở mặt trận chính trị vận động các phong trào phản chiến, các phong trào chống Mỹ, đòi hòa bình trên khắp thế giới để hỗ trợ cho những đòi hỏi của chúng, nên vào tháng 12 năm 1972, Tổng Thống Johnson ra lệnh cho Không Quân Mỹ ném bom ào ạt xuống thành phố Hà Nội và Hải Phòng để buộc Cộng Sản phải chấp nhận ký kết hiệp định Paris. Cuộc oanh kích đó đã làm cho Hà Nội kiệt quệ, nếu tiếp tục gia tăng mức độ có thể khiến cho chúng phải đầu hàng. Nhưng trong lúc Cộng Sản sắp sụp đổ thì Mỹ ngưng ném bom và tiếp tục thương thuyết. Bắt đầu từ tháng 1 năm 1973, nội dung hiệp định đã được hai bên Mỹ và Cộng Sản Hà Nội thỏa thuận và ngày 27 tháng 1 năm 1973 là ngày chính thức ký kết giữa hai bên. Theo tinh thần hiệp định này thì quân đội Bắc Việt sẽ rút lui, hai bên sẽ ngưng chiến và sẽ thành lập Hội Đồng Hòa Hợp, Hòa Giải gồm ba thành phần: Phe Cộng Sản, phe Quốc Gia và Thành Phần Thứ Ba gồm những người không theo bên nào để tiến tới một cuộc bầu cử tự do, quyết định chính thể cho Việt Nam trong tương lai. Có 13 nước đã ký kết bảo đảm việc thi hành hiệp định này trong đó có các cường quốc như Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp, Úc, Canada, Ấn Độ, v.v... Một Ủy Ban kiểm soát đình chiến gồm có các quốc gia Canada, Ba Lan, Hungary, Iran và Indonesia (thay thế cho Canada rút lui).

Ba Lan và Hungary thuộc phe Cộng Sản còn Iran và Indonesia thuộc phe Tự Do. Cộng Sản Hà Nội lợi dụng lúc Mỹ rút quân khỏi Nam Việt Nam, đã cho mở rộng đường chiến lược xuyên Trường Sơn (thường gọi là đường mòn Hồ Chí Minh) để đưa xe tăng, nhiên liệu, đạn dược, súng ống và quân lính vào Miền Nam, mở một chiến dịch mới. Trong lúc đó, mặc dù thấy rõ Việt Cộng đã vi phạm hiệp định Paris, Mỹ vẫn giảm viện trợ cho Việt Nam Cộng Hòa, nên các phương tiện chiến đấu bị hạn chế, không đủ bom đạn, nhiên liệu để mở các cuộc hành quân diệt địch trên các chiến trường. Trải qua một cuộc chiến tranh lâu dài, gần 30 năm, dân chúng khát vọng hòa bình nên khi hiệp định vừa mới ký kết thì ai cũng tin tưởng sẽ có giải pháp hòa bình cho Việt Nam. Vì thế, một số người thiếu cảnh giác đã vội nghe theo các luận điệu tuyên truyền phản chiến, lừa bịp của Cộng Sản. Nhiều phong trào đấu tranh cho hòa bình, các lực lượng hòa giải, v.v... ra đời đã bị Cộng Sản lợi dụng để làm phương tiện đấu tranh chính trị cho chúng. Tất cả các phong trào đó không đấu tranh đòi hỏi Cộng Sản phải tôn trọng hiệp định Paris, ngưng gây chiến để có hòa bình... Trái lại, họ dồn mọi nỗ lực tấn công chính quyền Việt Nam Cộng Hòa là kẻ đang bị xâm lăng. Trong lúc đó thì Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã có những sai lầm trong chính sách làm mất niềm tin trong dân chúng, làm sút giảm tinh thần chiến đấu của quân đội và công chức, cán bộ như:

- Mua chuộc các dân biểu nghị sĩ để trở thành những tay sai cho Tổng Thống,

- Dựa vào luật ủy quyền để ban hành những luật tăng thuế, kiểm soát báo chí, chính đảng, sửa đổi Hiến Pháp, giải tán các chính đảng đã có một quá trình tranh đấu chống Cộng từ trước 1945 như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt, v.v...
- Sự ra đời của Đảng Dân Chủ do Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu làm Chủ tịch càng tạo sự chia rẽ trong quân đội trong chính quyền giữa người có công với quốc gia mà không gia nhập đảng với người có công đi tổ chức đảng mà không có công trạng gì trong quốc gia... Do đó, đã trở lại vết xe cũ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm và nhất là tình trạng tham nhũng trong các cấp chính quyền đã làm cho quốc gia suy yếu nhanh chóng.

## NGÀY QUỐC HẬN

Trước tình hình đất nước như thế, các cấp lãnh đạo tôn giáo, chính đảng, nhân sĩ trong nước muôn đóng góp ý kiến với Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, nhưng Tổng Thống gần như xa lánh, không muốn tiếp xúc với họ. Phong Trào Chống Tham Nhũng của Linh mục Trần Hữu Thanh, các chính đảng, báo chí trong nước đều ở vào thế đối lập với chính quyền. Năm 1974, Việt Cộng tấn công Phước Long và chiếm luôn tỉnh lỵ này, đó là bước đầu chứng tỏ sức mạnh của chúng. Quân đội Việt Nam Cộng Hòa ở trong tình trạng thụ động, không phản công tái chiếm. Do đó Cộng Sản Hà Nội càng tăng cường xâm nhập xe tăng, vũ khí và binh lính ào ạt mà Việt Nam Cộng Hòa không có khả năng ngăn chặn. Mỹ hứa can thiệp nếu Cộng Sản Bắc Việt xâm nhập, nhưng Mỹ cũng không can thiệp. Nguồn tiếp tế đạn dược bị hạn chế, Mỹ từ chối viện trợ 300 triệu đô tuc cho Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1975. Nói tóm lại, sau khi Mỹ rút chân ra khỏi miền Nam Việt Nam thì số phận Việt Nam Cộng Hòa ra sao cũng mặc. Chủ trương của Mỹ là hoàn toàn bỏ rơi Miền Nam. Trong lúc đó Liên Xô và Trung Quốc chủ trương bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản khắp thế giới, đã viện trợ tối đa vũ khí, đạn dược, xe tăng, nhiên liệu cho Hà Nội để thực hiện mộng xâm lăng của họ. Hỏa lực của Việt Cộng trên thực tế mạnh hơn Việt Nam Cộng Hòa rất nhiều. Việt Nam Cộng Hòa phải rải quân ra để bảo vệ lãnh thổ, trong lúc Việt Cộng tập trung lực lượng để đánh vào một điểm. Trong khi Tướng Phạm Văn Phú, Tư Lệnh Quân Đoàn II cho tập trung quân phòng bị Pleiku thì tháng 3 năm 1975, Việt Cộng lại tấn công Ban Mê Thuột. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu và Bộ Tham Mưu chẳng những không phản công chiếm lại Ban Mê Thuột mà lại cho lệnh rút khỏi Pleiku làm cho tan rã cả một quân đoàn gây hỗn loạn trong quân đội và dân chúng, làm hoang mang các nơi khác. Việt Cộng lại đánh chiếm Mỹ Chánh, phần đất còn lại của tỉnh Quảng Trị sau 1972, uy hiếp Huế.

Cũng trong tháng 3 tháng 1975, quân đội Việt Nam Cộng Hòa rút khỏi Huế, hàng trăm ngàn người dồn về Đà Nẵng và tìm cách chạy về Sài Gòn, gây khủng hoảng trầm trọng cho Đà Nẵng cũng như Trung Ương. Cuối cùng, trước áp lực của Việt Cộng, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I ở Đà Nẵng cũng được lệnh rút về Sài Gòn. Các tỉnh Vùng II rút về Nha Trang rồi quân đội và chính quyền cũng bỏ Qui Nhơn, Nha Trang, Phan Rang. Lực lượng tại Phan Rang do Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi tình nguyện chiến đấu bên cạnh các đơn vị quân đội địa phương cũng đã thất bại vì quá cô thế. Tất cả các tỉnh Miền Trung và Cao Nguyên đều rơi vào tay Việt Cộng. Thừa thắng, Hà Nội đã huy động toàn lực từ miền Bắc tiến thẳng vào Nam trên Quốc Lộ số 1 từ Bắc vào Nam. Các tỉnh Vùng IV (đồng bằng sông Cửu Long) vẫn còn toàn vẹn chưa bị tấn công, mặt trận Long Khánh vẫn còn quyết liệt, bước đầu bảo vệ được ngõ vào Sài Gòn. Nhưng từ ngày 19 tháng 3 năm 1975 trở đi, đồng bào cũng đã bỏ nhà cửa, tài sản, kéo nhau chạy về Sài Gòn. Sau ngày 20 tháng 4 năm 1975, kể như Long Khánh cũng thất bại, Tướng Lê Minh Đảo cũng phải rút về Sài Gòn. Tháng 4 năm 1975, sau khi mất Vùng II, và các tỉnh Vùng I, Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm từ chức. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chọn ông Nguyễn Bá Cẩn, Chủ Tịch Hạ Nghị Viện lên làm Thủ Tướng, lập một chính phủ gọi là “đoàn kết”. Được 13 ngày thì Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức để trao quyền lại cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương. Trong khi Việt Cộng đang bao vây quanh Sài Gòn thì Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Cựu Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm và Tân Thủ Tướng Nguyễn Bá Cẩn đã trốn khỏi Việt Nam ban đêm bằng máy bay dân sự. Lực Lượng Hòa Hợp Hòa Giải của Nghị Sĩ Vũ Văn Mẫu được sự hậu thuẫn của Phật Giáo và Thượng Tọa Thích Trí Quang (thường gọi là Khôi Ân Quang) đang vận động ráo riết để cho Đại Tướng Dương Văn Minh lên thay thế Tổng Thống Trần Văn Hương. Các dân biểu, nghị sĩ họp tại Thượng Nghị Viện hôm 28 tháng 4 năm 1975 để nghe Tổng Thống Trần Văn Hương, người kế vị của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu trình bày tình hình và đề nghị trao quyền cho Dương Văn Minh. Một số dân biểu, nghị sĩ lên diễn đàn để chống lại giải pháp đó vì họ cho rằng như vậy là vi hiến vì theo Hiến Pháp, người kế vị sau Phó Tổng Thống để lãnh đạo quốc gia là Chủ Tịch Thượng Nghị Viện.

Ông Dương Văn Minh không có tư cách dân cử và đã một lần lên nắm chính quyền sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị giết chết vào năm 1963 và đã không làm được gì để ổn định tình hình, trái lại còn giúp cho Cộng Sản phát triển nhanh chóng và lấn chiếm miền Nam. Nhiều người biết rõ Dương Văn Minh đã nhiều lần tiếp xúc với em ruột là Dương Văn Nhật (tướng của Việt Cộng) sau 1963 nên khi nghe tin Dương Văn Minh lên thay thế Tổng Thống Trần Văn Hương thì họ thất vọng và tìm đường trốn chạy khỏi Việt Nam. Dương Văn Minh đã nhờ Thượng Tọa Thích Trí Quang liên lạc với Việt Cộng, đồng thời đã cử một phái đoàn do Cụ



Nguyễn Văn Huyền (Nguyên Chủ Tịch Thượng Nghị Viện từ chức) vào gặp phái đoàn Việt Cộng tại Trại David (trong phi trường Tân Sơn Nhất) đưa đề nghị ngưng chiến để thương lượng. Nhưng tất cả mọi người đều đã bị Cộng Sản lừa gạt, các tướng lĩnh có trách nhiệm đều đã bỏ trốn, Bộ Tổng Tham Mưu trống rỗng, không còn một người nào. Dương Văn Minh đã cử các tướng Vĩnh Lộc, Lâm Văn Phát, Nguyễn Hữu Có, Đỗ Kế Giai, v.v... đứng ra tổ chức lại quân đội, nhưng đã quá muộn. Việt Cộng đang tiến vào Sài Gòn và kêu gọi Dương Văn Minh đầu hàng và trao quyền lại cho chúng. Trong khi tình hình Việt Nam rất đen tối thì tại Hoa Kỳ, Tổng Thống Nixon rời Phó Tổng Thống Agnew phải từ chức vì vụ Water Gate, Quốc Hội Mỹ đã đề cử ông Gerald Ford lên làm Tổng Thống. Ông này đã cam kết tiếp tục chính sách của Tổng Thống Nixon, sẽ không bỏ rơi Việt Nam. Nhưng Quốc Hội Mỹ đã từ chối viện trợ bổ túc về quân sự và dư luận báo chí Mỹ lúc bấy giờ cũng đã nghiêng về phong trào phản chiến, điều đó rất bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa và tất nhiên là có lợi cho Cộng Sản. Trong những ngày cuối cùng trước khi Sài Gòn rơi vào tay Cộng sản, Mỹ đã di tản nhân viên của Tòa Đại Sứ và các cơ quan quân sự của họ ra khỏi Việt Nam bằng máy bay... Đại sứ Pháp tại Sài Gòn và Tướng Vanuxem đã đứng ra liên lạc với Việt Cộng cũng như với Dương Văn Minh đề nghị một giải pháp chính trị cho Việt Nam. Ông đề nghị Dương Văn Minh lên tiếng kêu gọi 13 quốc gia đã ký tên bảo đảm cho việc thi hành hiệp định Paris trong đó có Trung Cộng, hãy trực tiếp can thiệp ngăn chặn sự xâm lăng của Cộng Sản Hà Nội để bảo đảm cho Miền Nam Việt Nam một chế độ Trung Lập. Nhưng Dương Văn Minh và những người chung quanh ông ta lúc đó đã chủ trương đầu hàng Việt Cộng nên đã từ chối lời đề nghị này.

Ngày 29 tháng 4 năm 1975, Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu lên tiếng kêu gọi tất cả các lực lượng ngoại quốc phải rút ra khỏi Việt Nam để cho hai bên Việt Nam Cộng Hòa và Cộng Sản giải quyết với nhau trong tình huynh đệ. Sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975, trong lúc Cộng Sản trên đường tiến vào Sài Gòn thì Dương Văn Minh đã tuyên bố “đầu hàng Cộng Sản” trên đài phát thanh và kêu gọi quân đội ngưng chiến. Xe tăng của Cộng Sản dẫn đầu đàn quân tiến vào Dinh Độc Lập, Dương Văn Minh và một số trong chính phủ của ông đã trao chính quyền lại cho Cộng Sản. Trong lúc đó đồng bào mạnh ai nấy chạy, tìm đường thoát khỏi chế độ Cộng Sản bằng đủ mọi phương tiện, máy bay, tàu thủy, ghe thuyền... Những người ở lại đã chịu áp bức, tù đày, kỳ thị, mất nhà cửa, tài sản, ruộng vườn, mất việc làm, mất mọi quyền tự do của một công dân trong chế độ dân chủ mà quan trọng nhất là quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng. Các tu viện, trường học, cơ sở văn hóa, từ thiện của các tôn giáo bị tịch thu, các tu sĩ bị bắt, bị tù đày, bị xử tử...

Từ 1975 đến nay, các cuộc tranh đấu đòi xóa bỏ chế độ Cộng Sản, đòi tự do tôn giáo, đòi thực thi các quyền tự do dân chủ, nhân quyền, v.v... vẫn tiếp tục diễn ra

khắp mọi nơi, mọi lúc, không bao giờ ngừng: Ở trong nước, ở ngoại quốc, từ thế hệ già cho đến thế hệ trẻ, không phân biệt nam nữ, địa phương, sắc dân... Hàng triệu người đã bỏ nước ra đi, hàng triệu người chết trên sông, trên biển, trong rừng, v.v... Họ ra đi không phải vì mục đích kiếm cái ăn, cái mặc nhưng trước hết là để được sống tự do, không bị áp bức về tư tưởng, về tôn giáo, không bị phân chia giai cấp, không bị ràng buộc bởi lý lịch, được thăng tiến theo tài năng của mình.

### **Kết Luận**

Trong lịch sử Việt nam, dù trải qua dưới chính thể nào, dưới triều đại nào, chưa bao giờ người Việt Nam phải bỏ quê hương, ruộng vườn, nhà cửa, mồ mả tổ tiên, bà con họ hàng để ra đi, nương tựa nơi xứ người. Những biến cố xảy ra trong lịch sử nước ta, dù là dưới chế độ thực dân Pháp hay đế quốc Trung Hoa đi nữa thì người dân Việt Nam vẫn sống với quê hương, bà con, làng xóm của họ. Chỉ có dưới chế độ Cộng Sản thì mới có cuộc di cư của hơn một triệu đồng bào từ Bắc vào Nam sau 1954 và mới có cuộc di tản vượt biên, vượt biển đi tìm tự do sau 1975.